

F. ENGELS VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MARX

HỒ BÁ THÂM^(*)

I. Thái độ tự phê phán của Engels đối với chủ nghĩa Marx

F. Engels là một trong những nhà sáng lập đầu tiên của chủ nghĩa Marx, một nhà duy vật biện chứng, duy vật thực tiễn lỗi lạc. Là người bạn tâm giao, gần gũi và đồng hành cùng K. Marx trong sự nghiệp sáng tạo chủ nghĩa Marx và lãnh đạo phong trào công nhân nửa sau thế kỷ XIX, cả sau khi K. Marx đã qua đời, có lẽ không ai hiểu K. Marx bằng F. Engels. Khi K. Marx qua đời, chính F. Engels đã đánh giá cao những phát hiện, phát minh chủ yếu của K. Marx, tiếp tục hoàn chỉnh bộ *Tư bản* của K. Marx còn dang dở, đánh giá việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Marx trong thực tiễn cách mạng mới với tinh thần khoa học và tính chiến đấu cao.

Như ta đã biết với tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, thế giới quan mới đã xuất hiện và sự đồng cảm trong sáng tạo hệ tư tưởng của giai cấp công nhân giữa K. Marx và F. Engels đã gặp nhau. Nhưng sau khi khởi thảo quan niệm duy vật về lịch sử (F. Engels gọi là “chủ nghĩa duy vật lịch sử” (1, tr.719), thì K. Marx đi sâu vào nghiên cứu kinh tế chính trị, còn F. Engels thì tập trung hoàn chỉnh và phát triển triết học Marx trong khoa học tự nhiên và lịch sử xã hội

và phát triển những tư tưởng về chủ nghĩa xã hội khoa học. Một số tư tưởng triết học của K. Marx đã được F. Engels làm rõ và phát triển.

Trên thực tế, F. Engels đã làm rõ *những vấn đề có tính quy luật phát triển của triết học*. Chúng ta có thể hệ thống hoá lại những vấn đề đó như sau:

Một là, mỗi lần có một bước ngoặt trong khoa học tự nhiên thì chủ nghĩa duy vật sẽ thay đổi hình thức của mình.

Hai là, chính thực tiễn cách mạng là động lực của lý luận đã điều chỉnh và kiểm nghiệm lý luận, cũng như gợi mở những kết luận mới, những học thuyết mới.

Ba là, không nghiên cứu lịch sử triết học thì không tiến lên được ở đỉnh cao của tư duy lý luận.

Bốn là, thông qua cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận, thông qua luận chiến thì khoa học lý luận sẽ sinh động, tinh tế hơn và tiếp tục tiến lên phía trước.

Năm là, bản thân các nhà cách mạng cũng phải tự phê phán, tự đổi mới mình (trước hết về tư tưởng, lý luận, nhận thức) mới tiến lên được.

^(*) TS., Trưởng ban Triết và Chính trị học, Trung tâm KHXH & NV thành phố Hồ Chí Minh

Sau đây, bài viết chỉ phân tích một số nội dung góp phần làm sáng tỏ thêm vấn đề trên từ một góc nhìn khác, góc nhìn tự phê phán, thể hiện rõ một phép biện chứng sinh động, một thái độ cách mạng đúng đắn, một tư duy biện chứng có tính chiến đấu và tự phê phán cao.

1. Phê phán và tự phê phán bệnh tuyệt đối hoá, bệnh giáo điều, bệnh xuyên tạc tinh thần biện chứng đối với chủ nghĩa Marx

F. Engels nghiên cứu biện chứng về tự nhiên, biện chứng về lịch sử, khái quát những tinh hoa của triết học nhân loại, nhất là tinh thần biện chứng của Hegels. Ông đã phê phán tư duy siêu hình, phản biện chứng của một số nhà tư tưởng tư sản, nhất là Eu. Duhring đối với phép biện chứng duy vật của Marx. Nhân cuộc luận chiến này, ông đã khái quát, hệ thống hoá những tư tưởng chủ yếu của ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Marx. Tinh thần luận chiến là một đặc điểm của chủ nghĩa Marx. Gần đây với tác phẩm *Triết học mở, xã hội mở*, Maurice Cornforth tác giả của cuốn sách này phê phán chủ nghĩa Popercũng theo tinh thần đó (2).

Còn F. Engels thì phê phán sự hiểu lầm chủ nghĩa Marx của một số trí thức trẻ trên một số phương diện như:

- Trong xã hội, sự phát triển là sự tác động lẫn nhau của nhiều nhân tố, xét đến cùng nhân tố kinh tế là quyết định. Nhưng hoàn toàn không phải điều kiện kinh tế là nguyên nhân duy nhất chủ động (1, tr.788). Không thể quy sự biến diễn ra hàng ngày, sự biến riêng lẻ vào nguyên nhân kinh tế xét tới cùng được (1, tr.594). Thế nhưng khi tiếp cận chủ nghĩa Marx thì nhiều người chỉ thấy có nhân tố kinh tế là duy nhất

quyết định, tức là không thấy sự tương tác giữa nhân tố kinh tế với các nhân tố khác như chính trị, văn hoá, xã hội,... trong tiến trình phát triển.

- F. Engels đã từng nhấn mạnh: “Cả Marx lẫn tôi chưa bao giờ khẳng định gì hơn thế, do đó nếu ai xuyên tạc câu đó khiến cho nó có nghĩa là nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định *duy nhất* thì như vậy đã biến câu đó thành một câu trống rỗng, vô nghĩa” (1, tr.726). Rõ ràng là nhiều người đã cố tình bỏ qua *tính tương tác, biện chứng* của vấn đề.

- Do phải phê phán lại kẻ thù là chủ nghĩa duy tâm đủ loại, các ông đã quá nhấn mạnh nhân tố kinh tế làm cho giới trẻ vận dụng tuyệt đối hoá nhân tố này trở thành duy vật kinh tế. Và khi quá nhấn mạnh một mặt thì dù đúng cũng sẽ trở nên phiến diện và sai lầm... Tuy sự phân tích trên thực tế rất toàn diện, cho thấy rõ sự tương tác lẫn nhau của các nhân tố. Chính F. Engels rất nhấn mạnh điều then chốt này.

- Nhưng dẫu sao thì sai lầm ở những người đọc K. Marx, một phần cũng do hoàn cảnh lúc đó. Trách nhiệm này thuộc về K. Marx và F. Engels như các ông thừa nhận (1, tr.728):

“Marx và tôi, một phần nào, phải chịu trách nhiệm về việc những anh em trẻ đôi khi nhấn mạnh quá mức vào mặt kinh tế. Đối với kẻ thù, chúng tôi phải nhấn mạnh nguyên lý chủ yếu mà họ phủ nhận, và chúng tôi cũng ít khi có thì giờ, có địa điểm và cơ hội để mang lại một vị trí xứng đáng cho những nhân tố khác tham gia vào sự tác động qua lại ấy. Nhưng khi phải trình bày một thời kỳ lịch sử, nghĩa là khi vận dụng lý luận vào thực tiễn thì vấn đề lại khác hẳn và ở đây không thể có một sai

lầm nào. Nhưng đáng tiếc là người ta thường hay nghĩ rằng, có thể hiểu hoàn toàn thấu đáo một lý luận mới và có thể vận dụng lý luận đó không khó khăn gì, một khi đã nắm được những nguyên tắc chủ yếu, và điều đó không phải bao giờ cũng đúng. Và tôi không thể không trách cứ nhiều người *macxít mới* về điều đó, và cũng phải nói rằng họ đã phạm phải những điều hết sức kỳ quái” (1, tr.729).

Tương tự như vậy về sau, không ít người, bên cạnh việc tuyệt đối hoá nhân tố kinh tế, còn coi nhẹ vai trò văn hoá; hoặc tuyệt đối hoá nhân tố giai cấp, nhân tố chính trị và thực tế đã dẫn tới sai lầm tả khuynh về tư tưởng, siêu hình về phương pháp... Sai lầm này tất nhiên còn phải kể đến tâm lý nông dân, tiểu tư sản.

Các nhà kinh điển đã nhấn mạnh việc vận dụng sáng tạo, nhưng trên thực tế chủ nghĩa giáo điều vẫn diễn ra ở các thể hệ macxít và có lúc chi phối khá nặng nhất là trong lĩnh vực cải tạo xã hội và xây dựng xã hội mới...

2. Thừa nhận ảo tưởng và sai lầm về tổng công kích và sự thắng lợi nhanh chóng của cách mạng vô sản

Đến cuối đời, F. Engels tự thấy rằng, các ông trước đây nhận định cách mạng vô sản thế giới sớm nổ ra là sai lầm. Do lạc quan quá, và do nhận thức về chủ nghĩa tư bản ở trình độ chín muồi chưa đúng (1, tr.600, 602).

Nhìn lại tình hình từ 1848 đến 1895, F. Engels đã viết về bệnh ảo tưởng của những lãnh tụ và ngay bản thân các ông, về việc cách mạng vô sản nổ ra và thắng lợi, như sau:

- Khi cách mạng tháng 2/1848 bùng

nổ, các ông đã bị ám ảnh, bị nhiễm những ký ức về mô hình của kinh nghiệm cách mạng Pháp 1789, 1830, về tính chất, tiến trình của cách mạng, về kiểu một trận quyết chiến duy nhất có thể giải quyết được vấn đề (1, tr.599-600).

- Cuộc đấu tranh giai cấp năm 1848 và những năm sau đó, đã chứng tỏ rằng, không thể nào cải tạo xã hội bằng một cuộc đột kích được.

- Sự khôi phục đế chế năm 1851 (hay cả 1871) ở Pháp, lại một lần nữa chứng tỏ rằng những nguyện vọng của giai cấp vô sản trong thời kỳ này chưa chín muồi (1, tr.599-600, 605).

- Những tiên đoán cách mạng xã hội sắp nổ ra ở Anh là sai lầm do nhiệt tình tuổi trẻ của các ông hồi ấy (1, tr.537).

- Lại một lần nữa người ta có thể thấy rằng lúc đó (năm 1871 với cách mạng Công xã Paris) tức là 20 năm sau thời kỳ ấy, cho đến nay (năm 1895) vẫn chưa thực hiện được quyền thống trị của giai cấp công nhân (1, tr.607).

- Lịch sử cũng đã chứng minh rằng, F. Engels thừa nhận, chúng tôi và tất cả những người suy nghĩ như chúng tôi đều sai lầm. Lịch sử đã chỉ rõ rằng, trạng thái phát triển kinh tế liên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xoá bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (1, tr.603, 604).

- Lịch sử cũng đã chứng minh rằng, chúng tôi cũng sai lầm... Lịch sử đã vạch ra rằng quan điểm của chúng tôi lúc bấy giờ là một ảo tưởng. Lịch sử không chỉ đánh tan những ảo tưởng của chúng tôi, mà còn hoàn toàn đảo lộn những điều kiện trong đó giai cấp vô sản phải chiến đấu (1, tr.600). Ông thừa

nhận rằng, nhiều vấn đề chưa thể nói trước được, phải tùy thời gian, không gian cụ thể (1, tr.748).

Rằng, phải chiến đấu lâu dài, phải tiến dần từng bước, và bằng nhiều phương thức khác nhau. Rằng, không thể nói trước được, phải tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể (1, tr.748, 600), trong khi đó, sau thất bại năm 1849, phái dân chủ vẫn còn ảo tưởng, điều mà K. Marx và F. Engels đã dần nhận ra và khắc phục.

Chúng ta đọc lại những dòng trên đây và tự nhận thấy bệnh ảo tưởng này về cách mạng vô sản thế giới còn lặp lại sau năm 1945 ở phong trào cách mạng trong nửa đầu thế kỷ XX ở những nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm kinh tế, xã hội còn thấp. Cùng với nó là các ảo tưởng về xoá bỏ ngay chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, ảo tưởng về việc tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thành chủ nghĩa xã hội phát triển, tiến nhanh vào chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao... Chính V. I. Lenin, lúc đầu cũng bị ảo tưởng này, nhưng sau đó ông nhận thấy sai lầm và lùi lại thực hiện chiến lược NEP. Cố nhiên, Việt Nam cũng không phải ngoại lệ.

Qua đó, cho thấy thêm rằng, không nên hiểu và vận dụng chủ nghĩa Marx một chiều, chỉ thấy nguyên lý, chỉ thấy đúng, tách khỏi môi trường lịch sử đang vận động và thiếu tinh thần phê phán và tự phê.

3. Tại sao lại có tình trạng nhiều người vẫn hiểu sai chủ nghĩa Marx hay vận dụng một cách giáo điều?

Trả lời câu hỏi tại sao lại có tình trạng nhận thức sai về chủ nghĩa Marx từ những người cộng sản, không phải dễ. Nhưng có thể vạch ra một số nguyên nhân sau:

- Phần nhiều những người cộng sản ở các nước chưa phát triển thì nặng tư tưởng giáo điều, thiếu dân chủ, gia trưởng theo kiểu phong kiến, hiểu vấn đề lý luận ở tầm kinh nghiệm, mang tính ấu trĩ và tả khuynh. Những người cộng sản ở các nước phát triển thì lại hay rơi vào tư tưởng dân chủ cải lương, ảo tưởng hoà bình chủ nghĩa.

- Nhận thức ở tầm tư duy, cảm tính, kinh nghiệm, phương pháp trực quan máy móc, thiếu tư duy duy lý và biện pháp chiều sâu của khoa học.

- Bị các tiềm thức văn hoá và tư tưởng lạc hậu trong truyền thống chi phối, từ đó tạo nên những khúc xạ cả về mặt tư tưởng lẫn nhận thức.

- Bị cố định bởi thái độ chính trị hay đường lối chính trị chính thống, mà không phải khi nào cũng đúng, lại nhân danh lập trường vững vàng, nhưng thực chất là gia trưởng, độc đoán, thiếu dân chủ.

- Thiếu một tri thức, một tầm nhìn xa rộng, không hiểu chiều sâu tinh hoa văn hoá nhân loại, và khoa học hiện đại về sự phát triển...

- Công thức hoá, chuẩn mực hoá, chính thống hoá các nguyên lý macxít, tư duy một cách xơ cứng các mối quan hệ biện chứng và xa rời hiện thực.

- Tình cảm thiếu trong sáng trong việc vận dụng chủ nghĩa Marx.

Vấn đề đặt ra ở đây là, nhiều thế hệ hiểu không đầy đủ, hiểu sai chủ nghĩa Marx chứ không phải chủ nghĩa Marx sai, dù rằng chủ nghĩa Marx cũng có hạn chế lịch sử do thời đại cụ thể mà các ông sống quy định. Nhưng những nguyên lý cơ bản của triết học Marx và chủ nghĩa Marx vẫn có giá trị lâu dài, có

sức sống mãnh liệt. Gần đây qua cuộc thăm dò ở Anh, với sự tham gia của các học giả thuộc nhiều quốc gia trên thế giới, về bình chọn những nhà triết học vĩ đại của nhân loại thì K. Marx được đánh giá là “triết gia vĩ đại nhất của nhân loại”, có “hệ thống triết học nghiêm túc nhất của loài người”, trong số 20 người được bình chọn (3, tr.6). Hoặc vào những năm cuối thế kỷ XX, nhiều tập đoàn truyền thông trên thế giới, thông qua bạn đọc của mình, cũng đã lựa chọn K. Marx (cùng với A. Einstein và S. Freud) là một trong ba nhà khoa học, nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong thế kỷ XX. Điều đó càng chứng tỏ uy tín của chủ nghĩa Marx và hai phát minh vĩ đại của ông có ý nghĩa bất hủ, như F. Engels đã đánh giá.

Nhưng chúng ta, những người theo chủ nghĩa Marx, tin tưởng vào chủ nghĩa Marx khoa học, sáng tạo, cách mạng, nhưng không nên tuyệt đối hoá chủ nghĩa Marx.

II. Vấn đề phát triển triết học Marx trong tình hình hiện nay

Vấn đề mà chúng ta cần quan tâm là trong lịch sử, chủ nghĩa Marx cũng bị hiểu một cách giáo điều, bị tuyệt đối hoá, nâng lên như những giáo lý. Bên cạnh tư tưởng tự cao tự đại, giáo điều, thì vẫn có tư tưởng quá tự ti và nhận thức không đúng chủ nghĩa Marx. Cả hai loại tư tưởng ấy đều ngăn cản sự phát triển chủ nghĩa Marx và triết học Marx.

Nhiều người có nhận thức và thái độ tuyệt đối hoá đối với chủ nghĩa Marx như: cái gì cũng cho rằng, K. Marx và V. I. Lenin đã nói cả rồi, chỉ vận dụng về chi tiết thôi. Hoặc cho rằng, chủ nghĩa Marx là đỉnh cao nhất của nhận thức nhân loại và duy nhất đúng. Điều đó đã làm hạn chế chính mình và không đúng với tinh

thần sáng tạo của chủ nghĩa Marx. Hồ Chí Minh khi nói về chủ nghĩa Marx-Lenin cũng chỉ nói là “đúng đắn nhất, cách mạng nhất” chứ không dùng từ “duy nhất”.

Thực ra, dù chủ nghĩa Marx có nội dung toàn diện, triệt để, đề cập đến nhiều vấn đề, nhưng có vấn đề chỉ nói qua, hoặc chưa nghiên cứu được, hoặc thậm chí mới thấy một mặt. Chủ nghĩa Marx chỉ tập trung sâu vào một số hướng chính (nhất là mặt kinh tế và chính trị, hay triết học về xã hội, quy luật cơ bản của phép biện chứng). Hơn nữa, với sự phát triển ngày nay thì không thể nói chủ nghĩa Marx đã dự báo hay phân tích hết được, không thể lấy K. Marx thay cho toàn bộ trí tuệ nhân loại trước K. Marx và sau K. Marx.

Tuyệt đối hoá (sùng bái), hay hạ thấp chủ nghĩa Marx cũng đều sai lầm như nhau.

Chúng ta trung thành sáng tạo đối với chủ nghĩa Marx, nhưng không thể sùng bái nó như tôn giáo, hoặc như một chân lý tuyệt đối.

Thực tế sau này, về mặt khoa học đã có nhiều lý luận bổ sung và phát triển mới như học thuyết về vô thức, về xã hội học, tâm lý học, văn hoá học..., và nhất là học thuyết về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới. Một học thuyết, một chủ nghĩa mà không phát triển được, không phân hoá bộ môn được, không đáp ứng được thực tiễn thì sẽ xơ cứng và chết.

F. Engels cho rằng, chủ nghĩa xã hội cũng như các chế độ xã hội khác cần biến đổi, cải tạo thường xuyên, không ngừng (1, tr.757). Điều này phải hiểu rộng ra là xét cả mặt lý luận và hiện thực. Đảng cần có “một khoa học xã hội chủ nghĩa”. Nhưng “khoa học xã hội chủ nghĩa không thể có được nếu không tự do phát triển”

(1, tr.754-757).

Do vậy, ta thấy rằng quan điểm phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, văn hoá và phát triển trong thời đại mới,... đã được thay đổi sau thời kỳ khủng hoảng và tiến hành đổi mới.

Hơn nữa, ngày nay, theo tinh thần của F. Engels, triết học cũng cần phải phát triển. Trong thời đại kinh tế tri thức, thời đại của xã hội thông tin, xã hội sinh thái và toàn cầu hoá, thời đại của chủ nghĩa xã hội đổi mới thì triết học không nên chỉ bằng lòng với triết học đại cương tổng thể như trong giáo trình hiện nay, mà cần phải phát triển để xứng đáng với vai trò của mình là “tổng hợp lý thuyết”, và “tổng quát toàn bộ tri thức” (3, tr.76) ở tầm bản chất phổ quát. Chúng ta không nên tuyệt đối hoá triết học Marx và bỏ ngoài tai những thành tựu triết học của nhân loại và của thời hiện đại, dù là ngoài macxít, thậm chí phi macxít.

Cuối năm 2005, tại Hà Nội đã diễn ra một cuộc hội thảo quốc tế, do Viện Khoa học xã hội Việt Nam, UNESCO tại Việt Nam và Hội Giáo dục triết học vì dân chủ khu vực châu Á - Thái Bình Dương phối hợp tổ chức với chủ đề “*Toàn cầu hoá - những vấn đề triết học khu vực châu Á*”. Tại cuộc hội thảo, nhiều vấn đề thú vị đã được đặt ra. Nhiều đại biểu trong và ngoài nước nêu lên yêu cầu phát triển và xây dựng một triết học đương đại ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó đáng chú ý là ở Việt Nam. Người ta cho rằng, Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá cần phải tìm lối đi riêng cho mình và xây dựng được triết lý riêng, triết học riêng. Thời đại toàn cầu hoá phải có một sự phát triển triết học tương ứng.

Về triết học của toàn cầu hoá, có thể

thấy nổi lên 3 quan điểm chủ yếu sau đây:

- Thứ nhất là luận thuyết *Sự xung đột giữa các nền văn minh* của S. Huntington (xem 11, tr.7-18).

- Thứ hai là lý luận của V. E. Davidovich về *chủ nghĩa nhân đạo và triết học nhân học* (4).

- Thứ ba là *thuyết hoà hợp* của triết học Trung Quốc do GS Trương Lập Văn đề xướng (5, tr.21-58).

Ba quan điểm trên, có quan điểm cần phê phán (luận thuyết của Huntington), có quan điểm cần xem xét, cân nhắc, học tập; đặc biệt là thuyết hoà hợp.

“Hoà hợp” là tổng hoà của các trạng thái xung đột lẫn nhau, đan xen nhau, hoà quyện vào nhau của các sự vật hiện tượng cụ thể hoặc trừu tượng (ở đây là chỉ giới tự nhiên, xã hội, quan hệ người - người, thế giới tâm linh và các nền văn minh) cùng với sự hợp thành một phương thức kết cấu mới, một sự vật mới, một đời sống mới của chính các sự vật hiện tượng đó trong quá trình biến đổi của xung đột, hoà hợp... “Học thuyết “Hoà hợp” xây dựng nên ba thế giới gồm: thế giới sinh tồn, thế giới ý nghĩa và thế giới khả năng. Sự phát triển của “ba thế giới” trong “hoà hợp học” cho thấy: trí năng sẽ được tái sinh trong không gian của trạng thái hoạt động sinh tồn, thay đổi hình thái của vạn vật trong trời đất, giá trị của sự biến đổi. Ý nghĩa giá trị trạng thái không gian, thời gian sẽ làm tăng, sẽ quy định, chuẩn hoá lại các loại hành vi giá trị, làm chúng được chính tắc hoá; không gian trạng thái hoạt động logic sẽ giúp tạo ra sự tự do sáng tạo và tạo nên các dạng hệ thống logic, làm cho chúng được hoà hợp hoá.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần

phải phát triển và xây dựng triết lý, triết học mới trên nền tảng triết học Marx và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là:

- Cần phát triển tư tưởng triết học về con người, về nhân loại thành chủ nghĩa duy vật nhân văn (triết học nhân văn mới), như hình thái mới của chủ nghĩa duy vật trong thời đại ngày nay. Quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử không đi sâu nghiên cứu vấn đề con người. Trong khi đó vấn đề này rất phong phú trong lịch sử triết học và trong thời đại ngày nay có nhiều vấn đề mới cần nghiên cứu, tiếp cận và khái quát mới (xem 4,6,7,8,9).

- Nghiên cứu những vấn đề phát triển đương đại, xây dựng thành chuyên ngành triết học phát triển (10).

- Nghiên cứu sâu về cả vô thức, trực giác, sự phản ánh của ý thức dưới ánh sáng khoa học hiện đại, nghiên cứu tư tưởng nhận thức luận chiều sâu, xây dựng nhận thức luận duy vật nhân văn, nhận thức luận chiều sâu mới.

- Xây dựng phương pháp luận hoà hợp học hay hài hoà học có thể coi đó là nội dung cơ bản của phương pháp luận duy vật nhân văn.

- Nghiên cứu các chuyên ngành triết học chính trị, triết học kinh tế, triết học giáo dục, triết học của khoa học công nghệ hiện đại, triết học văn hoá, triết học sinh thái, triết học về trí tuệ, triết học về toàn cầu hoá...

Do vậy, nghiên cứu F. Engels và học tập ông là ở tinh thần cách mạng, tinh thần phê phán và tự phê phán, tinh thần phép biện chứng sáng tạo, từ đó mạnh dạn phát triển lý luận triết học trong quan hệ với thực tiễn mới nhằm làm rõ những vấn đề mới của thời đại ngày nay, trên nền tảng của triết học Marx và tinh hoa của dân tộc và nhân loại.

Cần xây dựng *phương pháp tư duy học thuật, tư duy phát triển lý luận và chống bệnh tự ti*, từ đó góp phần nghiên cứu phát triển triết học Marx trong thời đại ngày nay; tạo tầm nhìn sâu rộng cho quá trình xây dựng xã hội ngày càng hiện đại, thịnh vượng, công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. K. Marx và F. Engels. Tuyển tập, tập VI.- H.: 1984.
2. Maurice Cornforth. Triết học mở, xã hội mở.- H.: Khoa học xã hội.- 2002.
3. Hội đồng Lý luận Trung ương. Bản tin số tháng 8, 2005.
4. V. E. Davidovich. Dưới lăng kính triết học.- H.: Chính trị quốc gia.- 2002.
5. Nguyễn Văn Hồng. Trung Quốc cải cách mở cửa - những bài học kinh nghiệm.- H.: Thế giới.- 2003.
6. Hồ Bá Thâm. Chủ nghĩa duy vật nhân văn và định hướng nhân văn của sự phát triển.- H.: Văn hoá - Thông tin.- 2004
7. Hồ Bá Thâm. Khoa học con người và phát triển nguồn nhân lực.- Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.- 2003.
8. Hồ Bá Thâm. Phương pháp luận duy vật nhân văn, nhận biết và ứng dụng.- H.: Văn hoá - Thông tin.- 2005.
9. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. Số 6 (7), 2004.
10. Tạp chí Sinh hoạt lý luận. Số 2, 2005.
11. Hồ Sĩ Quý. Đối thoại văn hoá hay đụng độ văn minh: về quan điểm của Samuel P. Huntington. Tạp chí Thông tin KHXH, số 9, 2005.